

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV

BÁO CÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VÙNG QUAN TRẮC: Mỏ than Đèo Nai thuộc Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV tại phường Cẩm Thành, Cẩm Phú, Cẩm Sơn, Cẩm Đông, Cẩm Tây và xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Thời gian quan trắc: Ngày 17 tháng 4 năm 2025; Từ ngày 15 tháng 5 năm 2025 đến ngày 16 tháng 5 năm 2025; Ngày 10 tháng 6 năm 2025

Cơ quan chủ trì:
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV

CƠ QUAN THỰC HIỆN
CÔNG TY CP TIN HỌC, CÔNG NGHỆ,
MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CƠ QUAN CHỦ TRÌ
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN
ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

Quảng Ninh, tháng 6 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 47K/DNCS/2025/948/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 16/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-22/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°18'59,8"

Vĩ độ: 21°01'36,7"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K18) Khu vực moong khai trường

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN /TCVN tương ứng
1	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	66,2	70
2	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	42,2	70
3	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	63	350
4	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
5	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	57	200
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	255	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

- QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

- QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TIN HỌC, CÔNG NGHỆ,
MÔI TRƯỜNG
VINACOMIN
HÀ NỘI

Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 47K/DNCS/2025/949/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 16/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-22/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°16'04,1"

Vĩ độ: 21°01'54,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K19) Khu vực bãi thải

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN /TCVN tương ứng
1	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	61,7	70
2	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	40,3	70
3	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	54	350
4	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
5	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	48	200
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	233	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

- QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

- QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QTMT

PHỤ TRÁCH TN

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TIN HỌC, CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
VINACOMIN
Q. HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI

Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 47K/DNCS/2025/950/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 16/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-22/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°19'19,9"

Vĩ độ: 21°01'14,0"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K20) Khu vực xưởng sàng mặt bằng +83

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN /TCVN tương ứng
1	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	69,3	70
2	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	44,5	70
3	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	60	350
4	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
5	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	64	200
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	262	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

- QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

- QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 47K/DNCS/2025/951/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 16/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-22/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°18'40,6"

Vĩ độ: 21°01'58,8"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K21) Kho than 260N và khu chế biến sàng 5

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN /TCVN tương ứng
1	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	67,1	70
2	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	41,1	70
3	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	67	350
4	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
5	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	71	200
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	267	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

- QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

- QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 47K/DNCS/2025/952/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 16/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-22/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°18'39,7"

Vĩ độ: 21°01'0,6"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-K22) Phân xưởng cơ điện

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Người lấy mẫu: Trần Thị Thu Hà

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu quan trắc	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN/TCVN tương ứng
1	Tiếng ồn ⁽¹⁾	TCVN 7878-2:2018	dBA	54,7	70
2	Độ rung ⁽¹⁾	TCVN 6963:2001	dB	32,8	70
3	SO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	39	350
4	CO ⁽¹⁾	VITE-PTN-AI03	µg/Nm ³	<9.000	30.000
5	NO ₂ ⁽¹⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	<40	200
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	210	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

- QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

- QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

PHỤ TRÁCH TN

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Anh Minh

Đinh Văn Long

Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số thuê nhà thầu phụ

⁽³⁾: Thông số tự thực hiện

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép kết quả thử nghiệm



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 47/DNCS/2025/937/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 15/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-29/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°18'43,2"

Vĩ độ 21°00'45,6"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NT3) Nước thải trước bể tách dầu (phân xưởng cơ điện)

Loại mẫu: Nước thải công nghiệp

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} , QCDP 3:2020/QN (cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,45	5,5 - 9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	10,5	38,5
3	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	20,3	115,4
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	32	77,0
5	Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,0770
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,0077
7	Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,0092	0,3848
8	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,0770
9	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,06	0,7695
10	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	0,529	3,8475
11	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	2,1	7,7
12	Coliform ⁽¹⁾	TCVN 8775:2011	Vi khuẩn /100mL	790	5.000
13	Sunphat (SO ₄ ²⁻) ⁽⁶⁾	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	mg/L	173,7	-

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỜ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C_{max} , QCĐP 3:2020/QN (cột B)
14	Lưu lượng ⁽¹⁾	VITE-HT-20	m ³ /h	1,36	-

Ghi chú:

- QCĐP 3:2020/QN (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh (áp dụng tính C_{max} với $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$; $K_{QN} = 0,95$);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QMT

Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN

Đinh Văn Long

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu phân kết quả thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 47/DNCS/2025/938/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 15/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-29/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°18'42,3"

Vĩ độ: 21°00'44,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NT4) Nước thải sau bể tách dầu (phân xưởng cơ điện)

Loại mẫu: Nước thải công nghiệp

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} , QCĐP 3:2020/QN (cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,72	5,5 - 9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	7,9	38,5
3	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	14,6	115,4
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	20	77,0
5	Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,0770
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,0077
7	Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,003	0,3848
8	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,0770
9	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,06	0,7695
10	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	0,221	3,8475
11	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	1,9	7,7
12	Coliform ⁽¹⁾	TCVN 8775:2011	Vi khuẩn /100mL	12	5.000
13	Sunphat (SO ₄ ²⁻) ⁽⁶⁾	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ :2023	mg/L	30,1	-

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C_{max} , QCDP 3:2020/QN (cột B)
14	Lưu lượng ⁽¹⁾	VITE-HT-20	m ³ /h	1,21	-

Ghi chú:

- QCDP 3:2020/QN (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh (áp dụng tính C_{max} với $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$; $K_{QN} = 0,95$);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QTMT

PHỤ TRÁCH TN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Anh Minh

Đinh Văn Long

Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
 Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 47/DNCS/2025/939/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 15/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-29/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°18'42,3"

Vĩ độ: 21°00'44,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NT4-ML) Nước thải sau bể tách dầu (phân xưởng cơ điện) (mẫu lập)

Loại mẫu: Nước thải công nghiệp

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} , QCDP 3:2020/QN (cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,81	5,5 - 9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	7,7	38,5
3	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	13,8	115,4
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	21	77,0
5	Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,0770
6	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,0077
7	Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,003	0,3848
8	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,001	0,0770
9	Mangan (Mn) ⁽¹⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,06	0,7695
10	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	0,214	3,8475
11	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	1,7	7,7
12	Coliform ⁽¹⁾	TCVN 8775:2011	Vi khuẩn /100mL	13	5.000
13	Sunphat (SO ₄ ²⁻) ⁽⁶⁾	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	mg/L	30,9	-

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C_{max} , QCDP 3:2020/QN (cột B)
14	Lưu lượng ⁽¹⁾	VITE-HT-20	m ³ /h	1,23	-

Ghi chú:

- QCDP 3:2020/QN (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh (áp dụng tính C_{max} với $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$; $K_{QN} = 0,95$);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QTMT



Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN



VILAS 588

Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
 Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 47/DNCS/2025/940/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 15/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-29/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°17'18,8"

Vĩ độ: 21°00'42,4"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-N1) Mẫu nước tại trạm lọc nước Công ty

Loại mẫu: Nước thải công nghiệp

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCDP 3:2020/QN (cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,91	5,5-9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	<3	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	<10	100
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽¹⁾	VITE-HT-01	mg/L	126	-
5	Sunfua (S ²⁻) ⁽²⁾	TCVN 6637:2000	mg/L	<0,06	0,5
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N) ⁽²⁾	TCVN 6111-1:1996	mg/L	<0,09	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ .E:2023	mg/L	<0,06	-
8	Dầu mỡ động thực vật ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	<0,3	-
9	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	TCVN 6622-1:2009	mg/L	<0,03	-
10	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P) ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	0,17	-
11	Tổng Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	<3	5.000

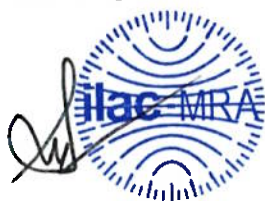
Ghi chú: - QCDP 3:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh.; - Dấu gạch ngang (-): Không quy định

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QTMT

PHỤ TRÁCH TN

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Anh Minh



VILAS 588

Đinh Văn Long



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 47/DNCS/2025/941/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 15/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-29/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°17'19,4"

Vĩ độ: 21°00'46,1"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NTSH2) Nước thải sinh hoạt khu nhà ăn Công ty

Loại mẫu: Nước thải sinh hoạt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} , QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,06	5,0 - 9,0
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	21,7	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	29	100
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽¹⁾	VITE-HT-01	mg/L	263	1.000
5	Sunfua (S ²⁻) ⁽²⁾	TCVN 6637:2000	mg/L	0,940	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N) ⁽²⁾	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1,264	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ .E:2023	mg/L	0,516	50
8	Dầu mỡ động thực vật ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	1,2	20
9	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	TCVN 6622-1:2009	mg/L	0,856	10
10	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P) ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	1,249	10
11	Tổng Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	2.300	5.000
12	Lưu lượng ⁽¹⁾	VITE-HT-20	m ³ /h	1,24	-

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (áp dụng tính C_{max} với K=1,0);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QMTT



Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN



Đinh Văn Long

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm
Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 47/DNCS/2025/942/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 15/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-29/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°18'41,3"

Vĩ độ: 21°01'01,4"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NTSH3) Nước thải sinh hoạt khu Trung tâm chỉ huy

Loại mẫu: Nước thải sinh hoạt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} , QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,85	5,0 - 9,0
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	46,5	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	76	100
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽¹⁾	VITE-HT-01	mg/L	402	1.000
5	Sunfua (S ²⁻) ⁽²⁾	TCVN 6637:2000	mg/L	2,169	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N) ⁽²⁾	TCVN 6179-1:1996	mg/L	3,594	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ .E:2023	mg/L	4,459	50
8	Dầu mỡ động thực vật ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	8,6	20
9	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	TCVN 6622-1:2009	mg/L	1,227	10
10	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P) ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	5,439	10
11	Tổng Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	3.400	5.000
12	Lưu lượng ⁽¹⁾	VITE-HT-20	m ³ /h	0,88	-

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (áp dụng tính C_{max} với K=1,0);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QM/T



Lê Anh Minh



PHỤ TRÁCH TN

Đinh Văn Long

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinhkiemvite@gmail.com

VIMCERTS: C30

Số: 47/DNCS/2025/943/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 15/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-29/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°18'45,3"

Vĩ độ: 21°00'48,8"

Ký hiệu mẫu: (ĐN-NTSH4) Bể xử lý nước thải sinh hoạt nhà ăn và phân xưởng Sửa chữa ô tô

Loại mẫu: Nước thải sinh hoạt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} , QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,78	5,0 - 9,0
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	49,2	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	83	100
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽¹⁾	VITE-HT-01	mg/L	456	1.000
5	Sunfua (S ²⁻) ⁽²⁾	TCVN 6637:2000	mg/L	3,542	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N) ⁽²⁾	TCVN 6179-1:1996	mg/L	4,369	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ .E:2023	mg/L	5,236	50
8	Dầu mỡ động thực vật ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	10,2	20
9	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	TCVN 6622-1:2009	mg/L	1,693	10
10	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P) ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	6,254	10
11	Tổng Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	4.300	5.000
12	Lưu lượng ⁽¹⁾	VITE-HT-20	m ³ /h	1,01	-

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (áp dụng tính C_{max} với K = 1,0);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QCVN



Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN



Đinh Văn Long

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 47/DNCS/2025/944/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 15/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-29/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ: 107°18'45,3"

Vĩ độ: 21°00'55,7"

Ký hiệu mẫu: (ĐN-NTSH5) Bể thu gom xử lý nước thải sinh hoạt nhà ăn phân xưởng Cơ điện

Loại mẫu: Nước thải sinh hoạt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

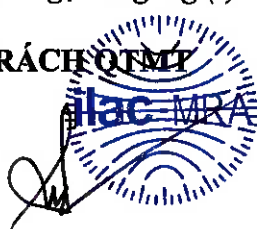
TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	C _{max} , QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,64	5,0 - 9,0
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	40,8	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	61	100
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽¹⁾	VITE-HT-01	mg/L	321	1.000
5	Sunfua (S ²⁻) ⁽²⁾	TCVN 6637:2000	mg/L	2,509	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N) ⁽²⁾	TCVN 6179-1:1996	mg/L	3,025	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ .E:2023	mg/L	3,232	50
8	Dầu mỡ động thực vật ⁽¹⁾	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	9,7	20
9	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	TCVN 6622-1:2009	mg/L	0,905	10
10	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P) ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	3,454	10
11	Tổng Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	1.700	5.000
12	Lưu lượng ⁽¹⁾	VITE-HT-20	m ³ /h	0,39	-

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (áp dụng tính C_{max} với K = 1,0);

- Dấu gạch ngang (-): Không quy định.

PHỤ TRÁCH QMTP



Lê Anh Minh



Đinh Văn Long

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuộc nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuộc nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 39/DNCS/2025/786/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 17/4/2025

Ngày nhận mẫu: 17/4/2025

Thời gian phân tích: 17/4-28/4/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ 107°18'02,5"

Vĩ độ 21°01'31,9"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NM3) Hồ Baza tháng 04

Loại mẫu: Nước mặt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (mức B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,15	6-8,5
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016	mg/L	6,7	≥5
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	8	≤15
4	Tổng Nitơ ⁽¹⁾	SMEWW 4500-N.C:2023	mg/L	0,368	≤1,5
5	Thủy ngân (Hg) ⁽²⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,001
6	Asen (As) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,01
7	Mangan (Mn) ⁽²⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,0803	0,1
8	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	0,364	0,5
9	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	4,3	≤6
10	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	<9	≤15
11	Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	<3	≤1.000
12	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	<0,06	≤0,3
13	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾	SMEWW 4500F B&D:2023	mg/L	<0,3	1

Ghi chú: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

PHỤ TRÁCH QTM



Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN



VILAS 588

Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 39/DNCS/2025/787/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 17/4/2025

Ngày nhận mẫu: 17/4/2025

Thời gian phân tích: 17/4-28/4/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ 107°19'27,9"

Vĩ độ 21°00'26,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NM4) Hồ Nam Đèo Nai 1 tháng 04

Loại mẫu: Nước mặt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (mức B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,21	6-8,5
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016	mg/L	6,8	≥5
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	11	≤15
4	Tổng Nitơ ⁽¹⁾	SMEWW 4500-N.C:2023	mg/L	<0,15	≤1,5
5	Thủy ngân (Hg) ⁽²⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,001
6	Asen (As) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,01
7	Mangan (Mn) ⁽²⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,06	0,1
8	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,06	0,5
9	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	<3	≤6
10	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	<9	≤15
11	Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	<3	≤1.000
12	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	<0,06	≤0,3
13	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾	SMEWW 4500F B&D:2023	mg/L	<0,3	1

Ghi chú: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

PHỤ TRÁCH QTMT

Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN

VILAS 588

Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 39/DNCS/2025/788/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 17/4/2025

Ngày nhận mẫu: 17/4/2025

Thời gian phân tích: 17/4-28/4/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ 107°19'27,9"

Vĩ độ 21°00'26,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NM4-ML) Hồ Nam Đèo Nai 1 tháng 04 (mẫu lập)

Loại mẫu: Nước mặt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (mức B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,21	6-8,5
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016	mg/L	6,8	≥5
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	12	≤15
4	Tổng Nito ⁽¹⁾	SMEWW 4500-N.C:2023	mg/L	<0,15	≤1,5
5	Thủy ngân (Hg) ⁽²⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,001
6	Asen (As) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,01
7	Mangan (Mn) ⁽²⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,06	0,1
8	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,06	0,5
9	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	3,8	≤6
10	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	<9	≤15
11	Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	<3	≤1.000
12	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	<0,06	≤0,3
13	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾	SMEWW 4500F B&D:2023	mg/L	<0,3	1

Ghi chú: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT

Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN

VILAS 588
Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 47/DNCS/2025/945/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 15/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-29/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ 107°18'02,5"

Vĩ độ 21°01'31,9"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NM3) Hồ Baza tháng 05

Loại mẫu: Nước mặt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (mức B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,91	6-8,5
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016	mg/L	6,2	≥5
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	9	≤15
4	Tổng Nitơ ⁽¹⁾	SMEWW 4500-N.C:2023	mg/L	<0,15	≤1,5
5	Thủy ngân (Hg) ⁽²⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,001
6	Asen (As) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,01
7	Mangan (Mn) ⁽²⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,0722	0,1
8	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	0,416	0,5
9	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	4,8	≤6
10	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	10,5	≤15
11	Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	<3	≤1.000
12	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	0,085	≤0,3
13	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾	SMEWW 4500F B&D:2023	mg/L	<0,3	1

Ghi chú: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QTM



Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN



Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

(1): Thông số được công nhận Vimcerts

(2): Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

(3): Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

(4): Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(5): Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(6): Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 47/DNCS/2025/946/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 15/5/2025

Ngày nhận mẫu: 16/5/2025

Thời gian phân tích: 16/5-29/5/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ 107°19'27,9"

Vĩ độ 21°00'26,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NM4) Hồ Nam Đèo Nai 1 tháng 05

Loại mẫu: Nước mặt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (mức B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,06	6-8,5
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016	mg/L	6,5	≥5
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	12	≤15
4	Tổng Nitơ ⁽¹⁾	SMEWW 4500-N.C:2023	mg/L	<0,15	≤1,5
5	Thủy ngân (Hg) ⁽²⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,001
6	Asen (As) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,01
7	Mangan (Mn) ⁽²⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,06	0,1
8	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	0,309	0,5
9	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	5,3	≤6
10	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	12,2	≤15
11	Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	<3	≤1.000
12	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	0,161	≤0,3
13	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾	SMEWW 4500F B&D:2023	mg/L	<0,3	1

Ghi chú: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH QTVT



Lê Anh Minh



Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vimcerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VITAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 62/DNCS/2025/1326/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 10/6/2025

Ngày nhận mẫu: 10/6/2025

Thời gian phân tích: 10/6-24/6/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ 107°18'02,5"

Vĩ độ 21°01'31,9"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NM3) Hồ Baza tháng 06

Loại mẫu: Nước mặt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (mức B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,14	6-8,5
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016	mg/L	6,4	≥5
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	14	≤15
4	Tổng Nitơ ⁽¹⁾	SMEWW 4500-N.C:2023	mg/L	<0,15	≤1,5
5	Thủy ngân (Hg) ⁽²⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,001
6	Asen (As) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,01
7	Mangan (Mn) ⁽²⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,0795	0,1
8	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,06	0,5
9	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	5,2	≤6
10	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	11,1	≤15
11	Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	<3	≤1.000
12	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	0,156	≤0,3
13	Florua (F) ⁽¹⁾	SMEWW 4500F B&D:2023	mg/L	<0,3	1

Ghi chú: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

PHỤ TRÁCH QTNM

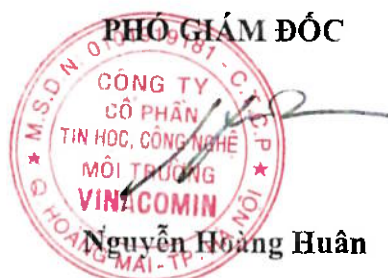
Lê Anh Minh



VILAS 588

Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

(1): Thông số được công nhận Vimcerts

(2): Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

(3): Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

(4): Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(5): Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(6): Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thiNghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 62/DNCS/2025/1327/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 10/6/2025

Ngày nhận mẫu: 10/6/2025

Thời gian phân tích: 10/6-24/6/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ 107°19'27,9"

Vĩ độ 21°00'26,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NM4) Hồ Nam Đào Nai 1 tháng 06

Loại mẫu: Nước mặt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (mức B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,06	6-8,5
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016	mg/L	6,1	≥5
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	9	≤15
4	Tổng Nitơ ⁽¹⁾	SMEWW 4500-N.C:2023	mg/L	<0,15	≤1,5
5	Thủy ngân (Hg) ⁽²⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,001
6	Asen (As) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,01
7	Mangan (Mn) ⁽²⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,06	0,1
8	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,06	0,5
9	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	5,6	≤6
10	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	12,7	≤15
11	Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	<3	≤1.000
12	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	0,147	≤0,3
13	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾	SMEWW 4500F B&D:2023	mg/L	<0,3	1

Ghi chú: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

PHỤ TRÁCH QTNM



Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN



Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

⁽¹⁾: Thông số được công nhận Vincerts

⁽²⁾: Thông số được đồng thời công nhận Vincerts và Vilas

⁽³⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

⁽⁴⁾: Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁵⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

⁽⁶⁾: Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN
TỔ THÍ NGHIỆM - PHÒNG MÔI TRƯỜNG - VITE

Địa chỉ: Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

VILAS: 588

Tel: 024 62842561

Fax: 024 62842546

Email: thinghiemvite@gmail.com

VIMCERTS: 030

Số: 62/DNCS/2025/1328/VITE

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty CP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Tên dự án: Quan trắc môi trường năm 2025 - Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Ngày lấy mẫu: 10/6/2025

Ngày nhận mẫu: 10/6/2025

Thời gian phân tích: 10/6-24/6/2025

Tọa độ lấy mẫu: Kinh độ 107°19'27,9"

Vĩ độ 21°00'26,3"

Ký hiệu mẫu: (ĐNCS-NM4-ML) Hồ Nam Đèo Nai 1 tháng 06 (mẫu lặp)

Loại mẫu: Nước mặt

Người lấy mẫu: Nguyễn Mai Anh

Người giám sát: Trần Văn Khiêm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (mức B)
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,09	6-8,5
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016	mg/L	6,3	≥5
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	8	≤15
4	Tổng Nitơ ⁽¹⁾	SMEWW 4500-N.C:2023	mg/L	<0,15	≤1,5
5	Thủy ngân (Hg) ⁽²⁾	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0009	0,001
6	Asen (As) ⁽²⁾	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,006	0,01
7	Mangan (Mn) ⁽²⁾	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,06	0,1
8	Sắt (Fe) ⁽²⁾	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,06	0,5
9	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽²⁾	TCVN 6001-1:2021	mg/L	5,5	≤6
10	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ⁽²⁾	SMEWW 5220C:2023	mg/L	11,9	≤15
11	Coliform ⁽¹⁾	SMEWW 9221B:2023	MPN /100mL	<3	≤1.000
12	Tổng Photpho ⁽²⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	0,141	≤0,3
13	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾	SMEWW 4500F B&D:2023	mg/L	<0,3	1

Ghi chú: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

PHỤ TRÁCH QMTT



Lê Anh Minh

PHỤ TRÁCH TN



Đinh Văn Long

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

(1): Thông số được công nhận Vimcerts

(2): Thông số được đồng thời công nhận Vimcerts và Vilas

(3): Thông số (có quy định trong QCVN) được công nhận Vilas

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm

(4): Thông số (có quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(5): Thông số (không quy định trong QCVN) thuê nhà thầu phụ

(6): Thông số (không quy định trong QCVN) tự thực hiện